

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

Số: 94769 CT-TTHT
V/v thuế nhà thầu đối với dịch vụ điện toán đám mây.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - VPBank
Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội; MST: 0100233583

Trả lời công văn số 1422/2020/CV-VPBank ngày 29/9/2020 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) vướng mắc về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/05/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin

+ Tại Điều 3 quy định:

"Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Sản phẩm phần mềm là phần mềm và tài liệu kèm theo được sản xuất và được thể hiện hay lưu trữ ở bất kỳ một dạng vật thể nào, có thể được mua bán hoặc chuyển giao cho đối tượng khác khai thác, sử dụng.

...

10. Dịch vụ phần mềm là hoạt động trực tiếp hỗ trợ, phục vụ việc sản xuất, cài đặt, khai thác, sử dụng, nâng cấp, bảo hành, bảo trì phần mềm và các hoạt động tương tự khác liên quan đến phần mềm..."

+ Tại Điều 9 quy định về các loại sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm như sau:

"2. Các loại sản phẩm phần mềm bao gồm:

a) Phần mềm hệ thống;

b) Phần mềm ứng dụng;

c) Phần mềm tiện ích;

d) Phần mềm công cụ,

đ) Các phần mềm khác.

3. Các loại dịch vụ phần mềm bao gồm:



- a) Dịch vụ quản trị, bảo hành, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin;
- b) Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm định chất lượng phần mềm;
- c) Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm;
- d) Dịch vụ tư vấn định giá phần mềm;
- đ) Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm;
- e) Dịch vụ tích hợp hệ thống;
- g) Dịch vụ bảo đảm an toàn, an ninh cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin;
- h) Dịch vụ phân phối, cung ứng sản phẩm phần mềm;
- i) Các dịch vụ phần mềm khác."

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn như sau:

+ Tại Khoản 21 Điều 4 quy định đối tượng không chịu thuế GTGT

"21. ..Phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật."

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam:

+ Tại Điều 1 hướng dẫn về đối tượng áp dụng

"Hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau (trừ trường hợp nêu tại Điều 2 Chương I):

1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu...."

+ Tại Điều 6 quy định về đối tượng chịu thuế GTGT:

"1. Dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng tại Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I), bao gồm:

- Dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp tại Việt Nam và tiêu dùng tại Việt Nam;

- Dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp ngoài Việt Nam và tiêu dùng tại Việt Nam..."

+ Tại Điều 7 quy định về thu nhập chịu thuế TNDN:

"...3. Thu nhập phát sinh tại Việt Nam của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là các khoản thu nhập nhận được dưới bất kỳ hình thức nào trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I), không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành hoạt động kinh doanh của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài. Thu nhập chịu thuế của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài trong một số trường hợp cụ thể như sau:

...- Thu nhập từ tiền bản quyền là khoản thu nhập dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho quyền sử dụng, chuyển quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, bản quyền phần mềm (bao gồm: các khoản tiền trả cho quyền sử dụng; chuyển giao quyền tác giả và quyền chủ sở hữu tác phẩm; chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp; chuyển giao công nghệ, bản quyền phần mềm). ..."

+ Tại khoản 2 Điều 12 Mục 3 Chương II quy định thuế GTGT theo phương pháp tỷ lệ trên doanh thu:

"2. Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu:

STT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ % để tính thuế GTGT
1	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm; xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	5

b) Xác định tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu đối với một số trường hợp cụ thể:

...b.2) Đối với hợp đồng cung cấp máy móc thiết bị có kèm theo các dịch vụ thực hiện tại Việt Nam, nếu tách riêng được giá trị máy móc thiết bị và giá trị các dịch vụ khi xác định số thuế GTGT phải nộp thì áp dụng tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu của từng phần hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng không tách riêng được giá trị máy móc thiết bị và giá trị các dịch vụ thì áp dụng tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu tính thuế là 3%.

+ Tại tiết a khoản 2 Điều 13 Mục 3 Chương II quy định về tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế TNDN:

"2. Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế"

a) *Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với ngành kinh doanh:*

STT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế
	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm, thuê giàn khoan	5
	Riêng:	
	- Dịch vụ quản lý nhà hàng, khách sạn, casino;	10
	- Dịch vụ tài chính phái sinh	2
..	Thu nhập bản quyền.	10

Căn cứ các hướng dẫn trên, trường hợp Công ty ở nước ngoài ký hợp đồng với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để cung cấp các dịch vụ điện toán đám mây thì thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ này thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính.

Trường hợp nhà thầu nước ngoài cung cấp dịch vụ phần mềm thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT và áp dụng tỷ lệ (%) thuế TNDN 5% tính trên doanh thu tính thuế. Trường hợp không phải dịch vụ phần mềm thì áp dụng tỷ lệ thuế GTGT 5% và thuế TNDN 5%.

Trường hợp việc cung cấp dịch vụ của nhà thầu nước ngoài có kèm bản quyền thì áp dụng tỷ lệ (%) thuế TNDN đối với bản quyền là 10% tính trên doanh thu tính thuế.

Đề nghị đơn vị căn cứ vào quy định pháp luật, đối chiếu với tình hình thực tế xác định bản chất thu nhập mà nhà thầu nước ngoài nhận được là thu nhập từ dịch vụ phần mềm hay không để áp dụng chính sách thuế nhà thầu phù hợp, đúng quy định. Trường hợp vẫn còn vướng mắc về việc xác định loại hình dịch vụ cung cấp, đề nghị đơn vị liên hệ với cơ quan có thẩm quyền về lĩnh vực khoa học và công nghệ để được hướng dẫn xác định theo đúng thẩm quyền.

Trong quá trình thực hiện chính sách thuế, trường hợp còn vướng mắc, đơn vị có thể tham khảo các văn bản hướng dẫn của Cục Thuế TP Hà Nội được đăng tải trên website <http://hanoi.gdt.gov.vn>, hoặc liên hệ với Phòng Thanh tra - Kiểm tra số 8 để được hỗ trợ giải quyết.

Cục Thuế TP Hà Nội thông báo để Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng được biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TKT8;
- Phòng DTPC;
- Lưu: VT, TTHT(2). (6 ;3)

